

Năm 2011 là một năm bão tố trên lĩnh vực kinh tế của Việt Nam.



Hình: REUTERS

□
Năm 2011 cũng là năm Việt Nam đứng trước ngã ba đường – quyết liệt đi tìm những mô hình mới để khai thác tối đa tiềm năng phát triển mới hoặc chìm sâu vào khủng hoảng và bế tắc kinh tế.

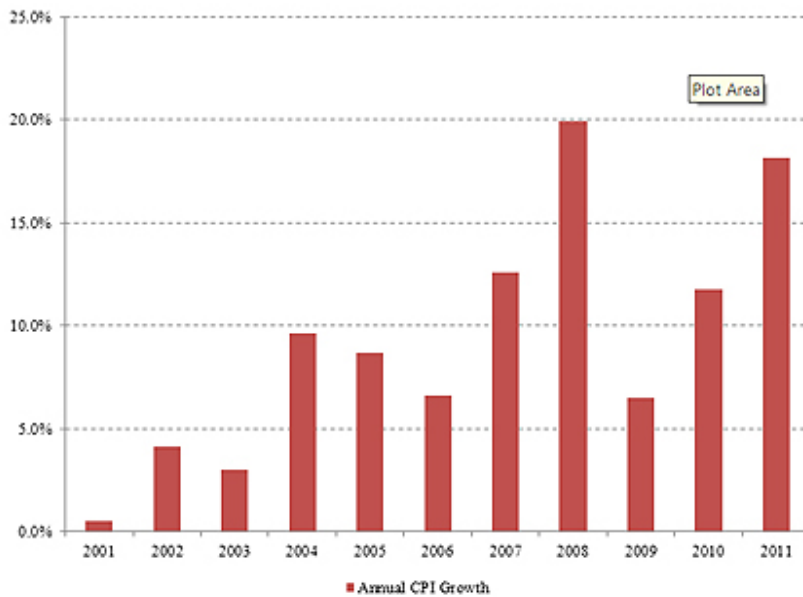
Đánh giá cho đúng các diễn biến đã xảy ra trong năm qua thì không thể nhìn nhận năm 2011 như là một giai đoạn tách rời mà phải đặt nó trong chuỗi lịch sử ít nhất từ khoảng 5 năm trở lại đây. Lý do là các diễn biến trong suốt quá trình lịch sử này đã kết đọng lại các hậu quả trong hệ thống kinh tế để cùng bộc lộ ra vào năm 2011.

Cơn bão lạm phát và thách thức đối với người nghèo

Điểm nổi bật đáng quan tâm nhất trong năm qua là tình trạng mất giá của tiền Đ&ng. Tính đến hết tháng 12, tốc độ tăng trưởng CPI của Việt Nam trong cả năm 2011 là 18,12%, cao hơn rất nhiều so với mức tiêu ban đầu của Quốc Hội và Chính phủ đưa ra hồi đầu năm này (7%). Nhìn lại trong khoảng 10 năm trở lại đây, sự mất giá của tiền Đ&ng năm 2011 chỉ thua năm 2008 chút ít và cao hơn đáng kể so với tất cả các năm còn lại.

So với 5 năm trước, tiền Đ&ng mất giá gần một nửa. CPI của năm 2011 bằng 1,96 lần năm 2006, tức là 100 Đ&ng của năm 2011 chỉ bằng 50,1 đ&ng của năm 2006. So với 10 năm trước, giá trị tiền Đ&ng chỉ còn bằng hơn một phần ba. CPI của năm 2011 bằng 2,58 lần so với CPI của năm 2011, tức là 100 Đ&ng của năm 2011 chỉ bằng 38,6 Đ&ng của năm 2001.

Figure 1: Tăng trưởng CPI theo năm, giai đoạn 2001 - 2011



Lý do chính khiến cho lạm phát bùng nổ mạnh mẽ vào những năm gần đây là quá trình phát triển kinh tế đưa vào đầu tư và tình trạng kém hiệu quả trong việc sử dụng vốn trong suốt cả thập kỷ qua. Hiện tượng này phổ biến cả trong khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và khu vực doanh nghiệp tư nhân/ nước ngoài (DNTN). Việc phát triển dựa trên đầu tư khi nền kinh tế đang tăng trưởng trong nền kinh tế liên tục tăng với tốc độ chóng mặt. Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), trong suốt giai đoạn 2006 tới 2010, nền kinh tế M2 của Việt Nam liên tục tăng ít nhất 20% mỗi năm, cá biệt có năm tăng tới 46% (2007). Lượng cung tiền M2 của năm 2010 là 2789,2 nghìn tỷ Đ&ng, tăng gấp hơn 3 lần so với năm 2006 và gấp xấp xỉ 10 lần so với năm 2001.

Việc tăng cung tiền với giá trị lớn hơn trong khi thị trường của nền kinh tế không mạnh. Hiện tượng lạm phát khi nền kinh tế hàng hóa sản xuất ra không tăng cùng nhịp với tăng cung tiền. Đó là một yếu tố giá cả leo thang – hay nói cách khác là tiền Đ&ng mất giá. Cao điểm của lạm phát là vào năm 2008 do tốc độ tăng cung tiền quá lớn vào năm 2007. Tiếp sau đó, năm 2009 lạm phát hạ nhiệt xuống mức thấp nhất vì chính sách thắt chặt trong năm 2008.

Tuy nhiên với việc chính phủ n&i lập ng cung t&n tr& i vào năm 2009 và 2010, t&n Đ&ng l&i t&p t&c r&i vào vòng xoáy m&t giá trong năm 2010 và 2011.

L&m phát cao đ&y cu&c s&ng c&a ng& i dân, đ&c bi&t là nh&ng ng& i có thu nh&p trung bình ho&c đ& i trung bình, vào vòng soáy nguy hi&m c&a suy thoái s&c mua. Đó là v&n đ& l&n nh&t v& kinh tế c&a năm 2011.

Doanh nghiệp và ngân hàng v&t c&n

T&t c& h& th&ng doanh nghiệp, k& c& trong và ngoài Chính phủ Việt Nam, đ&u liên t&c tăng quy mô và lĩnh vực ho&t đ&ng đ&a trên việc đi vay. Tài s&n th& ch&p h&p đ&n đ&i v&i h& th&ng ngân hàng th&ng là b&t đ&ng s&n, và trong m&t giai đ&n nh&t đ&nh, bao g&m c& c& phi&u. Việc giá đ&t tăng lên trung bình t& 10 t&i 30 l&n (tùy đ&a bàn) trong vòng 10 năm tr& i đây khi&n câu chuy&n vay n& đ&a vào th& ch&p b&t đ&ng s&n tr& nên đ&c bi&t đ& dàng.

Tình tr&ng dùng đòn b&y tài chính quá m&c (overleveraged) tr& nên ph& bi&n & h&u nh& kh&p n&i. Theo tính toán c&a IMF, t& l&n trên v&n c&a các doanh nghiệp niêm y&t & Việt Nam trong giai đ&n 2009-2010 là x&p x& 100%, cao h&n r&t nhi&u so v&i các n&c trong khu vực nh& Trung Quốc và Indonesia (đ& i 90%), Thái Lan và Malaysia (đ& i 80%), ho&c Singapore (x&p x& 70%). Tình tr&ng vay m&n c&a doanh nghiệp cũng đ& c ph&n ánh & m&c tăng tr&ng tín d&ng n&i đ&a (là các kho&n cho vay c&a ngân hàng đ&i v&i các doanh nghiệp & Việt Nam). T& l&n này tăng liên t&c ít nh&t 22% trong 5 năm t& 2006 t&i 2010, có năm lên t&i x&p x& 50% (2007). Tính theo GDP, t& l&n tín d&ng n&i đ&a c&a Việt Nam năm 2010 đã lên t&i 131.5%.

Việc vay m&n nhi&u đ&y doanh nghiệp vào hai h& đ&n: Th& nh&t là công su&t đ& th&a do đ&u t& m& r&ng quy mô vô t&i v& kinh tế toàn c&u suy x&p khi&n th& tr&ng đ&u ra không t&t nh& đ& đoán. Th& hai là gánh n&ng lãi su&t quá l&n. K&t h&p hai y&u t& này l&i đ&n t&i m&t th&c t& là doanh nghiệp không có kh& năng tr& các kho&n n& đ&n h&n, t&o ra nhu c&u đ&o n& (refinancing) và v&n hóa lãi vay. Ch& riêng việc v&n hóa lãi vay cũng đã t&o ra nhu c&u tăng tr&ng tín d&ng. Vì th& trong năm 2011 v&a r&i, m&c dù h&u các ngân hàng không cho vay các kho&n vay m&i nh&ng tăng tr&ng tín d&ng v&n lên t&i 15%.

Tình tr&ng l&m phát cao trong năm 2011 và các kho&n n& đ&n h&n không tr& đ& c (n& x&u hay n& đ& i chu&n) ngày càng l&n khi&n cho các ngân hàng bu&c ph&i tăng lãi su&t huy đ&ng và lãi

suất cho vay. Điều này lại buộc làm trầm trọng hơn do bản thân hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng đang trong tình trạng quá yếu kém. Hệ thống ngân hàng trải qua một giai đoạn mở rộng quá nhanh đã rơi vào tình trạng không có đủ nguồn nhân lực có chất lượng để vận hành. Thêm vào đó, các vốn để vận hành rơi vào đống đống của cán bộ tín dụng và của các ông chủ khiến việc kiểm soát chất lượng tín dụng bị xem nhẹ.

Các ngân hàng nhỏ, vốn chủ yếu rơi vào các ngân hàng lớn do không thể đa dạng hóa các khoản vay tốt nhất ngân hàng lớn, trở thành các nền nhân dẫu tiên. Khi cần bảo vệ dẫu chủ yếu, hệ thống nên một thanh khoản và buộc phải lao vào cuộc cạnh tranh lãi suất để thu hút nguồn tiền gửi.

Do thực tế Việt Nam chưa có câu chuyện phá sản ngân hàng và nguồn gốc tiền, cần thêm cam kết của chính phủ khi nguồn gốc tiền này khiến cho nguồn gốc tiền yên tâm tham gia cuộc cạnh tranh lãi suất trong đó ngân hàng nào chào lãi suất cao hơn sẽ thắng. Kết quả là các ngân hàng lớn không thể không tham gia vào cuộc đua và đẩy một bộ lãi suất trên toàn thị trường lên mức cao hơn không tưởng. Trước khi Ngân hàng Chính phủ Việt Nam áp dụng triết lý mức trần lãi suất huy động 14%, đã có những thời kỳ lãi suất huy động lên tới trên 20% trong khi lãi suất cho vay trung bình giao động trong mức 25% tới 30%.

Đến lượt nó, câu chuyện cạnh tranh lãi suất lại có tác động ngược lại với doanh nghiệp, đẩy họ vào khó khăn hơn, và làm cho khả năng trả nợ kém đi khiến cho tình trạng một thanh khoản trong ngân hàng, nhất là các ngân hàng nhỏ, thêm trầm trọng. Đây là vòng xoáy đi xuống nguy hiểm nếu không có giải pháp dứt khoát của Chính phủ Việt Nam. Đây là vấn đề lớn thứ 2 của kinh tế năm 2011

Đang thái chính sách của Chính phủ Việt Nam



Figure 2: Biến động CPI theo tháng, giai đoạn 2007 đến 2011

